

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Hoàng Hà

Ngày 15/01/2024	1,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.3%	-	-

DT thuần
Q4/23

11.9
tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.00 | -24.9%
YoY: ▼7.60 | -38.8%

LN thuần
Q4/23

-8.80
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.99 | 10.1%
YoY: ▲ 6.90 | 43.9%

LN sau thuế
Q4/23

-8.82
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.18 | 11.8%
YoY: ▲ 9.28 | 51.3%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

-61.2%

YoY: +/- ▼ 12.3%

ROE
2023

-29.9%

YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
Số lượng CPLH (CP)	34,896,354
KLGD BQ 20 phiên (CP)	211,750
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.93
EPS	-1,212
P/E	-1.6

DT thuần
2023

61.5
tỷ VNĐ

YoY: ▼42.5 | -41.1%

LN thuần
2023

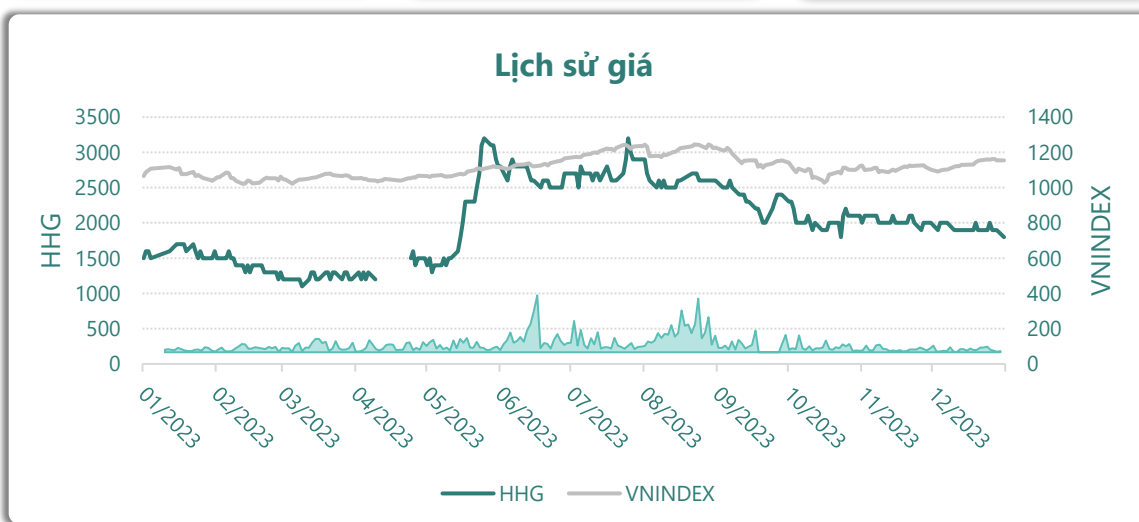
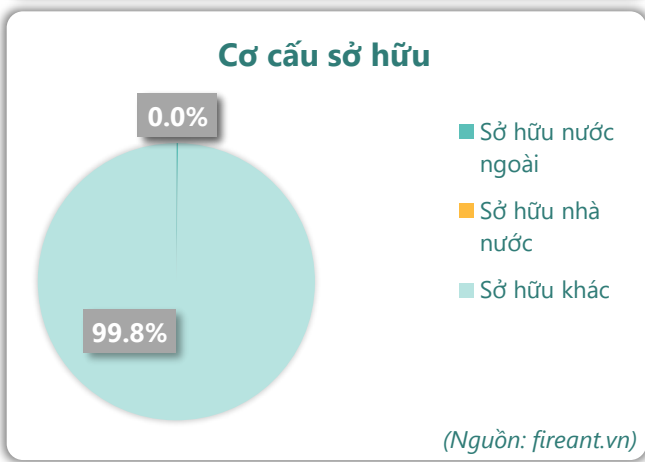
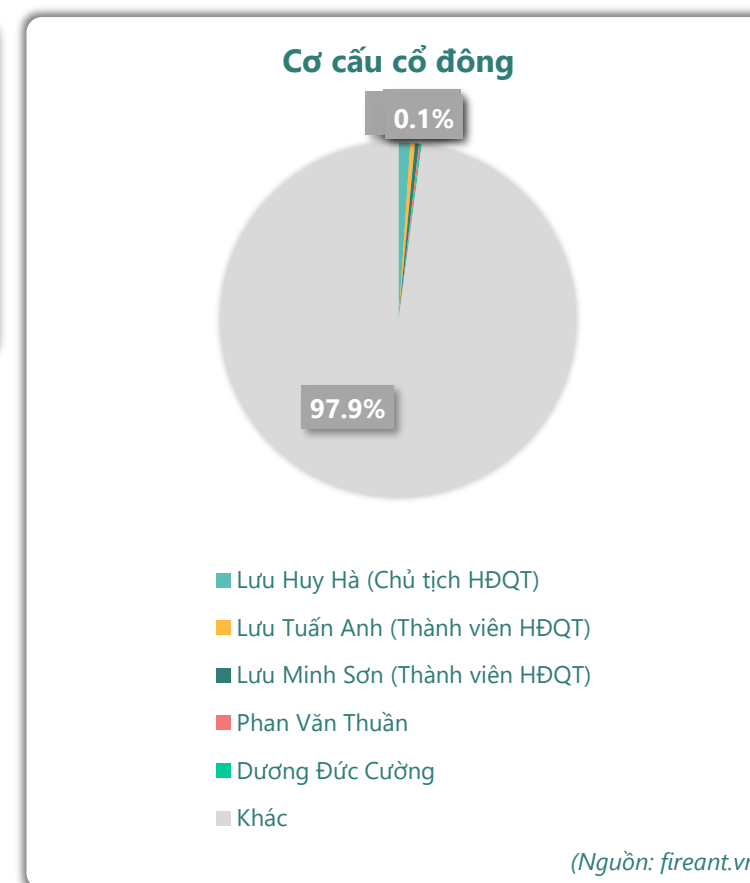
-41.6
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.90 | 19.2%

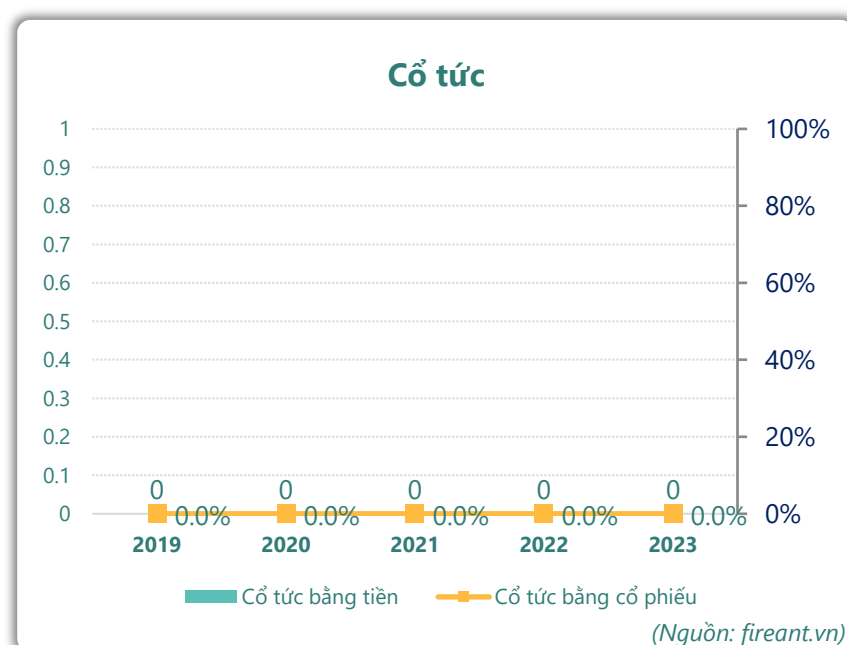
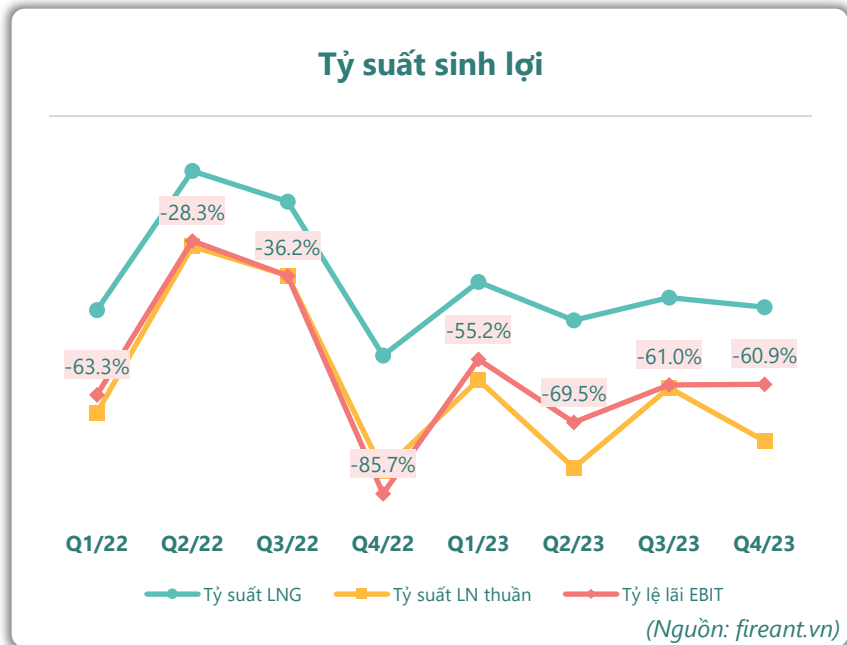
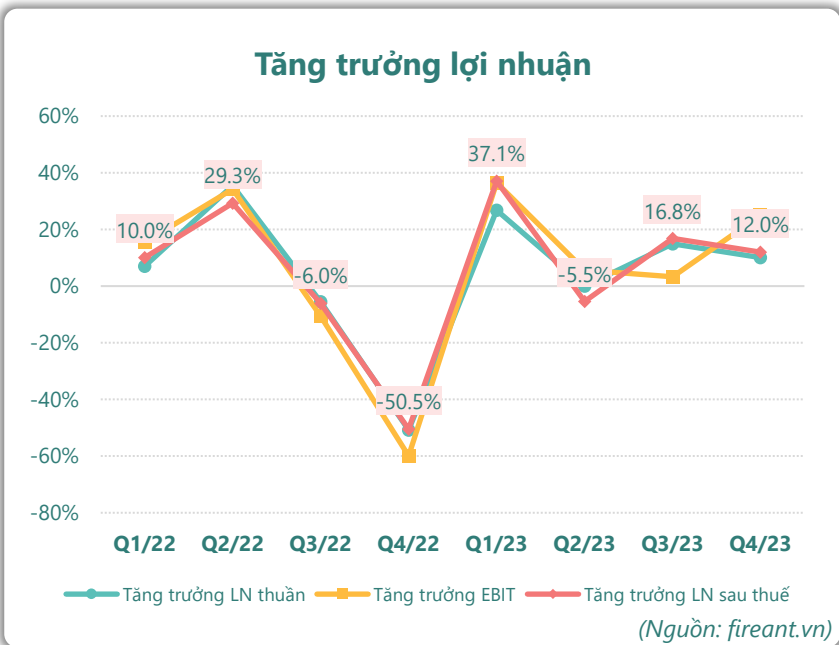
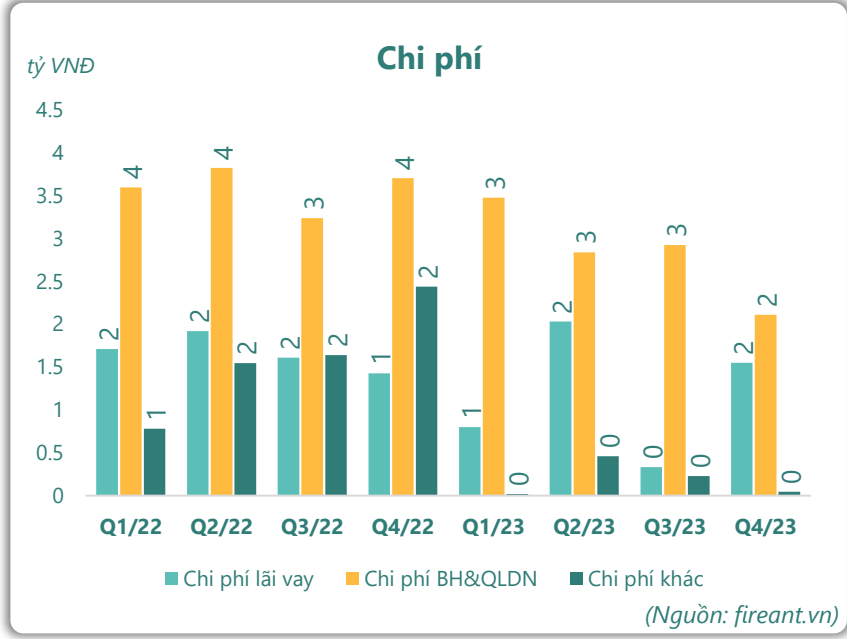
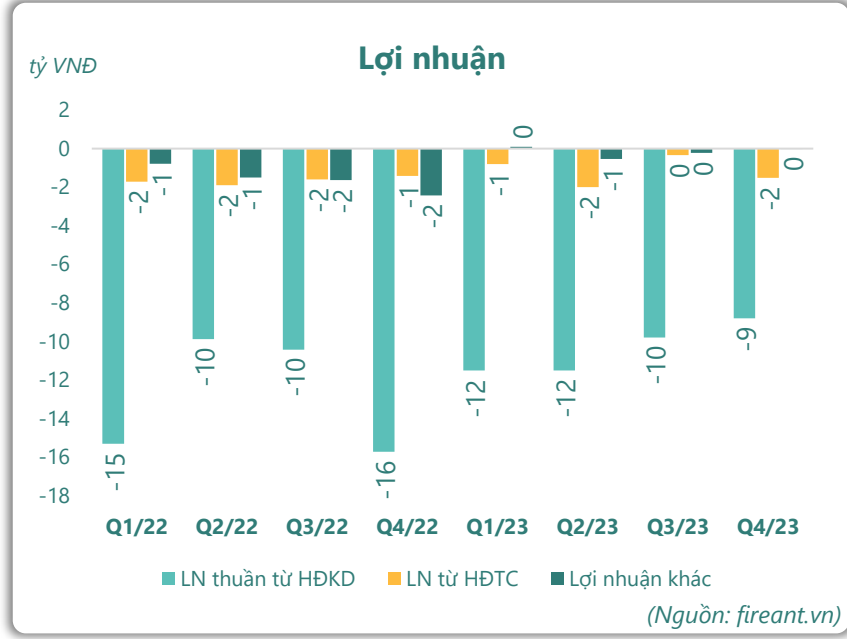
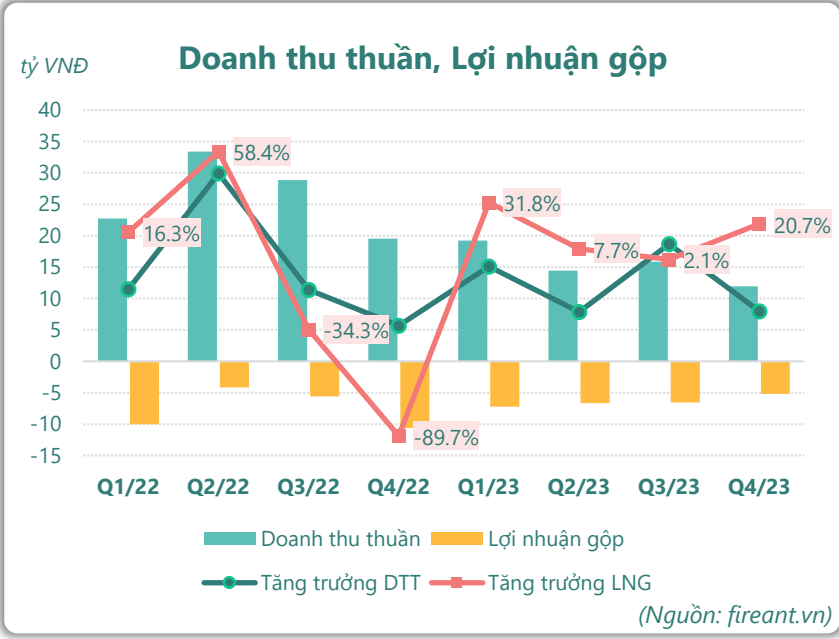
LN sau thuế
2023

-42.3
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.5 | 26.8%



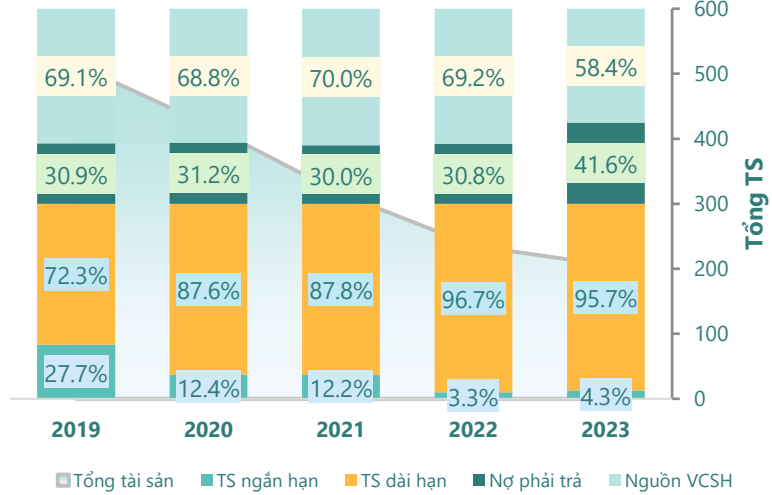
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

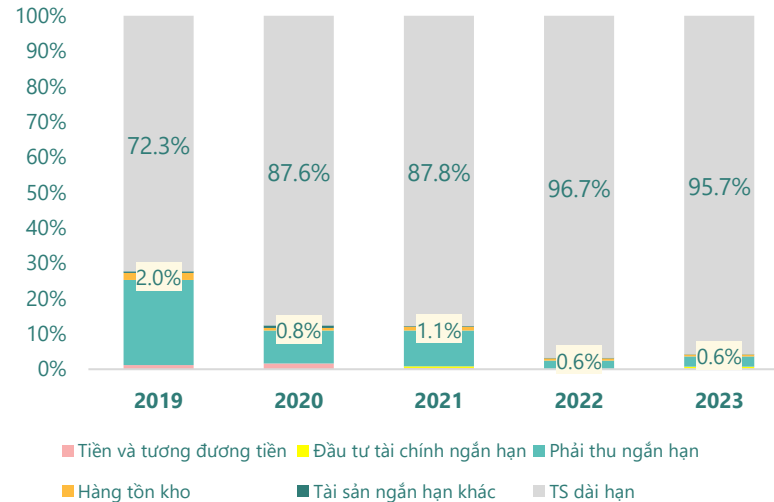
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

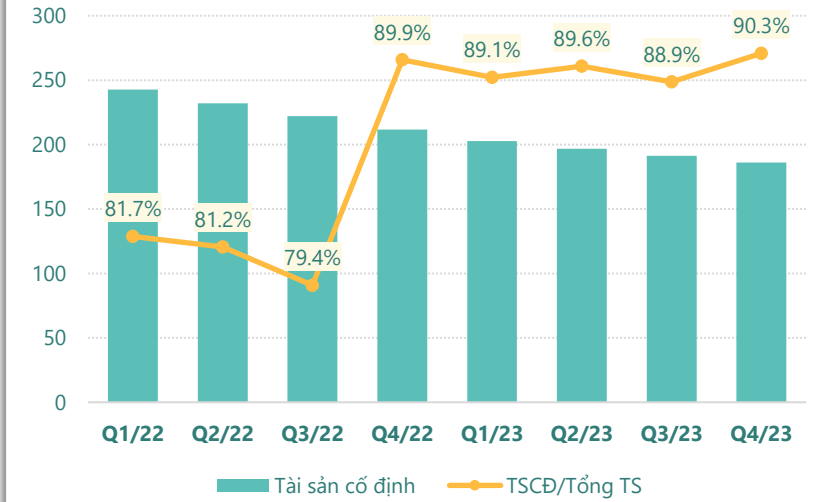
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

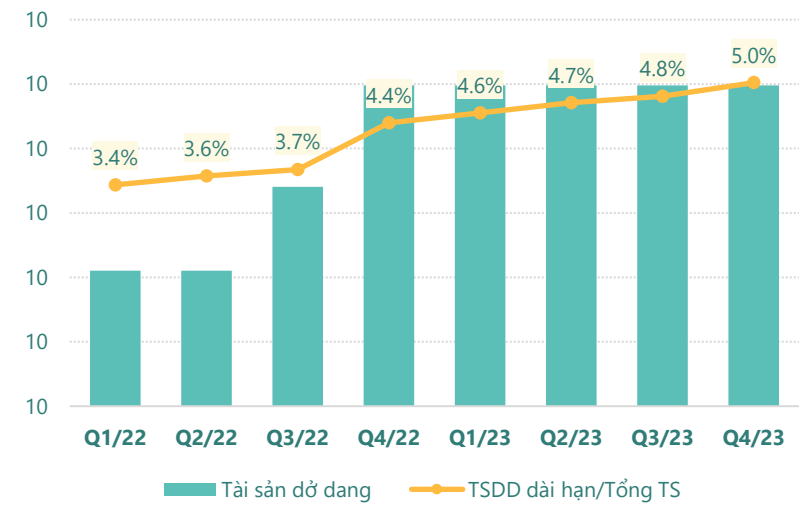
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

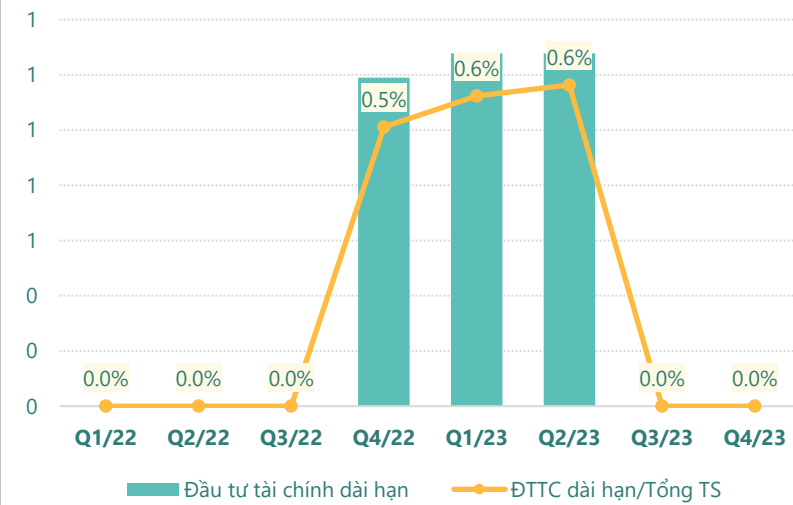
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

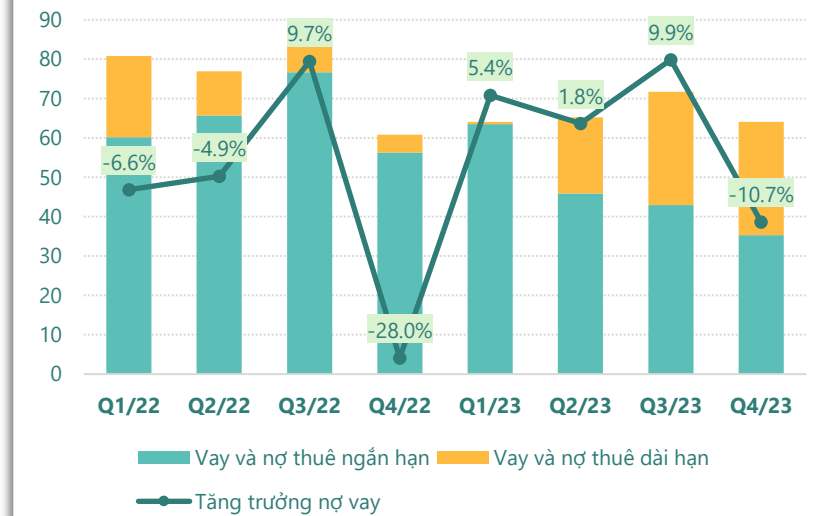
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

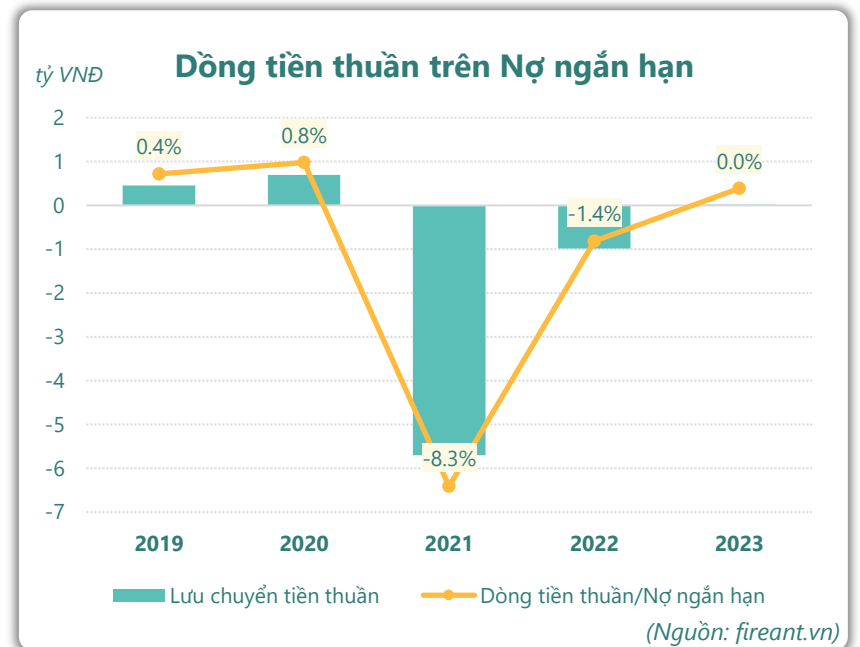
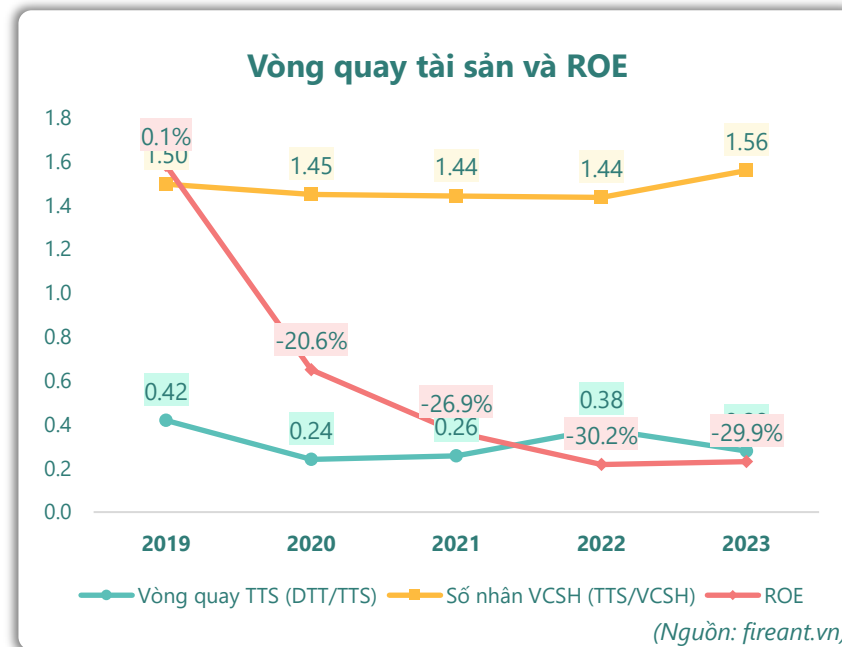
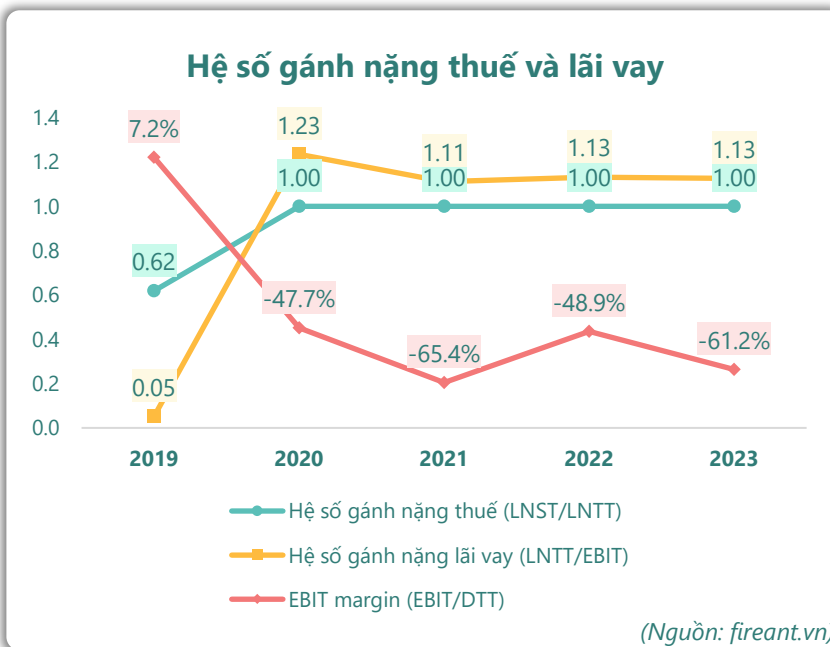
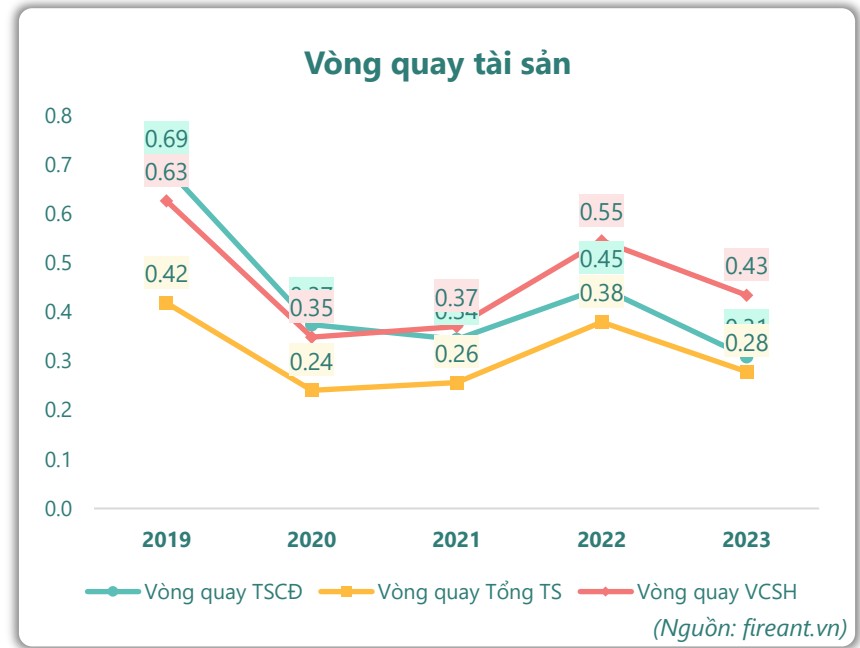
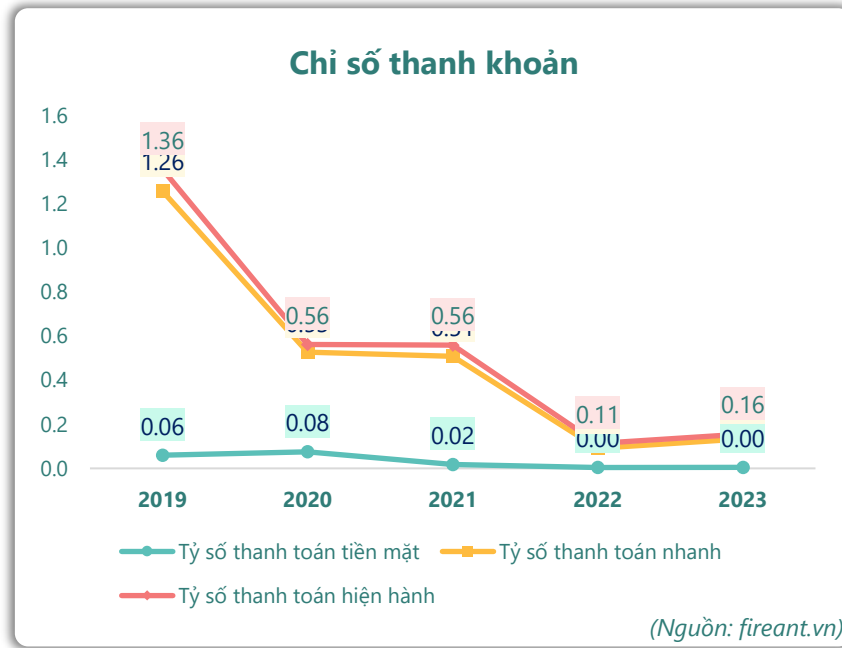
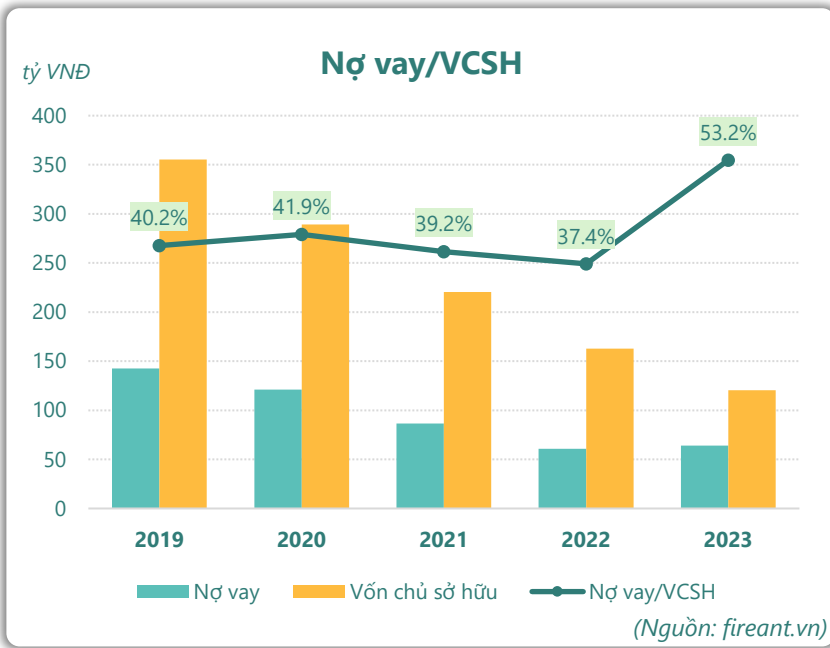
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11.9	19.5	-38.8%	61.5	104	-41.1%
Giá vốn hàng bán	17.1	30.1	-43.1%	87.1	135	-35.4%
Lợi nhuận gộp	-5.18	-10.6	51.1%	-25.6	-30.4	15.7%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.03	36.7%	0.08	0.06	36.1%
Chi phí TC	1.55	1.44	7.7%	4.72	6.76	-30.2%
Chi phí lãi vay	1.55	1.43	8.4%	4.72	6.76	-30.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.11	3.70	-42.9%	11.4	14.4	-21.0%
LN thuần từ HĐKD	-8.80	-15.7	43.9%	-41.6	-51.5	19.2%
Lợi nhuận khác	-0.02	-2.43	99.4%	-0.70	-6.35	89.0%
LN trước thuế	-8.82	-18.1	51.3%	-42.3	-57.8	26.8%
Lợi nhuận sau thuế	-8.82	-18.1	51.3%	-42.3	-57.8	26.8%
LNST của CĐ cty mẹ	-8.82	-18.1	51.3%	-42.3	-57.8	26.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.5	45.8	0	-1.39	-5.39	5.91
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.03	2.35	0	0.47	0.27	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.2	-48.3	0	1.18	6.48	-7.66
Tiền đầu kỳ	1.70	0.43	0	0.40	0.66	2.02
Lưu chuyển tiền thuần	-1.27	-0.16	0	0.26	1.37	-1.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.43	0.27	0	0.66	2.02	0.28

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	206	235	-12.4%
Tài sản ngắn hạn	8.85	7.68	15.2%
Tiền và tương đương tiền	0.28	0.27	5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.28	0	
Phải thu ngắn hạn	5.82	5.44	7.0%
Hàng tồn kho	1.21	1.48	-18.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	0.50	-48.4%
Tài sản dài hạn	197	228	-13.3%
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	186	212	-12.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.3	10.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.28	-100%
Tài sản dài hạn khác	0.39	3.84	-89.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.7	72.6	18.1%
Nợ ngắn hạn	56.8	68.0	-16.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.3	56.3	-37.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.97	6.82	17.0%
Nợ dài hạn	28.9	4.60	527%
Vay và nợ thuê dài hạn	28.8	4.54	534%
Nguồn vốn chủ sở hữu	120	163	-26.0%
Vốn chủ sở hữu	120	163	-26.0%
Vốn điều lệ	349	349	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)